

Bản án số: 361/2026/HS-PT
Ngày 11 - 5 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Mạnh Hùng và ông Võ Hồng Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội: Bà Phan Diệu Nhân - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11 tháng 5 năm 2026, tại Điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội và tại Điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh NB, xét xử phúc thẩm công khai, trực tuyến vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 144/2026/TLPT-HS ngày 26 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo Trần Văn S do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2026/HS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân tỉnh NB.

- Bị cáo có kháng cáo: **Trần Văn S**, sinh năm 1963 tại tỉnh NB; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn TN, xã NL, tỉnh NB; số căn cước công dân 035063000835, cấp ngày 24/6/2021; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quang H và bà Trần Thụ B (đều đã chết); có vợ Trần Thụ T và 04 con: Lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1996; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 05/5/2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LN, tỉnh HN (cũ) ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Hủy hoại tài sản” bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 4.000.000 đồng; ngày 08/5/2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã PP (nay là xã NL, tỉnh NB) ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 2.500.000 đồng; nhân thân: Ngày 28/02/2003, Công an quận CG (cũ), thành phố HN xử phạt vi phạm hành chính số tiền 500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”; bị bắt tạm giam từ ngày 12/9/2025, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 02 Công an tỉnh NB. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cuối năm 2005, bà Trần Thị S2, sinh năm 1950, trú tại: thôn TN, xã PP, huyện LN, tỉnh HN (nay là thôn TN, xã NL, tỉnh NB) đi sang Cộng hòa Liên bang Đức làm ăn, bà Suốt có 3 người con gái là chị Nguyễn Lan H2 (tên gọi khác Nguyễn Thị L), sinh năm 1973, chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1977, hiện ở Cộng hòa Liên bang Đức và chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1988, hiện ở: thôn AC, xã LL, huyện TT, (nay là thôn AC, xã CD), thành phố HN. Trước khi đi sang Cộng hòa Liên bang Đức, bà S2 cho Trần Văn S cùng vợ là Trần Thị T ở cùng thôn mượn toàn bộ diện tích đất ở, đất vườn và đất nông nghiệp của gia đình bà S2 là thửa đất số 157, tờ bản đồ số 3 tại thôn TN, xã NL, tỉnh NB để S canh tác và trông coi trong thời gian gia đình bà S2 đi vắng (bà S2 chỉ cho mượn bằng miệng, không lập thành văn bản). Sau khi sang Cộng hòa Liên bang Đức một thời gian, bà S2 cùng các con gái thống nhất làm thủ tục tặng cho chị Nguyễn Lan H2 (tên gọi khác Nguyễn Thị L), thửa đất số 157, tờ bản đồ số 3 ở thôn TN, xã NL, tỉnh NB. Đầu năm 2013, khi chị Nguyễn Thị L về quê để nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) cấp cho bà S2 thì thấy vợ chồng S đang xây dựng nhà cấp 4 trên thửa đất của gia đình. Chị L đã báo chính quyền địa phương về việc xâm phạm bất hợp pháp đối với tài sản của người khác với hành vi xây dựng trái phép trên đất của gia đình chị L và yêu cầu S trả lại cho chị L toàn bộ diện tích đất mà bà S2 đã cho gia đình S mượn trước đó để chị L có nơi sinh sống và canh tác nhưng S không trả và nói rằng bà S2 đã bán đất cho S. UBND xã PP (nay là xã NL) đã 3 lần lập biên bản đối với hành vi xây dựng nhà trái phép của S trên đất của gia đình chị L, tiến hành hòa giải và yêu cầu S không được phép tiếp tục xây dựng nhưng S không chấp hành mà vẫn tiếp tục hoàn thiện ngôi nhà. Tại các buổi hòa giải tranh chấp đất đai do UBND xã PP tổ chức, S có xuất trình bản phô tô có 03 giấy viết tay gồm: GCNQSDĐ, đơn xin chuyển nhượng đất thổ cư và ruộng canh tác lâu dài có chữ ký của bà S2, chị H3, chị T2 và S, Giấy biên nhận tiền mặt, có chữ ký của bà S2. Tuy nhiên, bà S2, chị H3, chị T2 khẳng định chưa bao giờ ký vào bất kể văn bản, giấy tờ gì thể hiện nội dung chuyển nhượng đất cho Trần Văn S. Việc S xuất trình văn bản thể hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở nhưng không có chứng thực hay xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nên không có giá trị pháp lý và bà S2, chị H3, chị T2 cho rằng chữ ký mang tên bà S2, chị H3, chị T2 tại các giấy do S xuất trình là chữ ký giả, không phải chữ ký của bà S2, chị H3, chị T2. Sau đó vụ việc tranh chấp đất đã được Tòa án nhân dân tỉnh HN (nay là tỉnh NB) thụ lý giải quyết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 23/4/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh HN (cũ) đã quyết định và buộc Trần Văn S, Trần Thị T trả lại cho gia đình chị L thửa đất số 157, tờ bản đồ số 3 tại thôn TN, xã PP, huyện LN, tỉnh HN (nay là thôn TN, xã NL, tỉnh NB) và toàn bộ tài sản trên đất. Ngày 27/9/2024, Cục Thi hành án dân sự phối hợp cùng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Công an tỉnh - Công an huyện LN (cũ), Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn Phòng đăng ký đất đai

huyện LN (cũ), UBND xã PP (nay là xã NL) và Công an xã PP (nay là xã NL) thực hiện việc cưỡng chế giao quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 157, tờ bản đồ số 3 cho chị Nguyễn Thị L theo quy định.

Ngày 02/5/2025, chị Nguyễn Thị T2, cùng chồng là Nguyễn Văn N, sinh năm 1983, cùng trú tại: thôn AC, xã CD, thành phố HN được chị Nguyễn Thị L nhờ về thôn TN, xã NL, tỉnh NB thuê người san lấp mặt bằng tại mảnh đất của chị L. Khi về, chị T2 nhờ ông Trần Văn P, sinh năm 1963 (là cậu ruột), trú tại: là thôn PT 1, xã TL, tỉnh LC về để quản lý thợ máy xúc thực hiện việc san lấp, đồng thời chị T2 thuê nhóm thợ hàn xì để căng lại hàng rào gồm có: anh Trần Quang T3, sinh năm 1999, anh Trần Văn D, sinh năm 1992, cùng trú tại: thôn LN; anh Trần Ngọc Đ, sinh năm 2009, trú tại: thôn LN, đều cùng xã NL, tỉnh NB và thuê anh Trần Trung K, sinh năm 1987, trú tại: thôn TN, xã NL, tỉnh NB lái máy xúc thực hiện việc san lấp mặt bằng tại mảnh đất. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, khi anh T3, anh Đ, anh D đang làm hàn xì để căng lại hàng rào trên mảnh đất đoạn giáp đường đê bao số 5 phía sau Miếu thổ thần và anh K đang lái máy xúc thực hiện việc san lấp ở khu vực ao thì Trần Văn S điều khiển xe mô tô đi một mình từ khu vực nhà S lên đường đê bao số 5 dựng xe mô tô ở giữa đường và mở cốp xe lấy ra 01 (một) chiếc dao dài 64cm, phần lưỡi cong bằng kim loại màu trắng dài 51,5 cm, bản rộng nhất 4,7 cm, có một cạnh sắc, phần tay cầm dài 12,5 cm, bằng gỗ màu nâu, giữa phần tay cầm và phần lưỡi có miếng chặn bằng kim loại kích thước (6 x 2,5)cm cầm trên tay phải, và tay trái cầm 01 tập giấy đi bộ một mình về phía Miếu thổ thần. Khi đến khu vực mảnh đất nhà chị L, thấy nhóm thợ đang làm thì S chạy từ đường đê bao số 5 xuống dưới mảnh đất đứng gần chị T2 quát: “Biến, ra khỏi đây, có nhìn thấy cái gì không” và yêu cầu anh K lái máy xúc không làm nữa. Lúc này ông Trần Văn P đang đứng trên đường đê bao số 5 phía sau Miếu thổ thần thấy S có hành động như vậy đã lấy điện thoại di động ra quay video thì S chạy từ dưới mảnh đất nhà chị L lên đường đứng gần vị trí ông P đang đứng ở tư thế hai người đối diện, tay phải S cầm thanh dao giơ lên đâm một nhát vào góc hàm bên phải của ông P gây vết thương rách da dài 0,5 cm. Bị đâm ông P kêu: “á”, và nói “mọi người chứng kiến thằng S nó đâm tôi”. Sau đó, S cầm thanh dao đi lại gần vị trí chiếc xe mô tô đang dựng rồi điều khiển xe đi về nhà. Khoảng 15 giờ 20 phút cùng ngày, khi nhóm thợ đang làm thì S tiếp tục cầm thanh dao đi bộ một mình đến gần mảnh đất đang san lấp ở khu vực ao và nói: “tao bảo chúng mày lên đây nhé, có thích tao gọi cho Công an tỉnh HN không”. Ông P đang đứng trên đường thấy vậy chạy xuống dưới mảnh đất nhà chị L nhặt hai viên gạch đỏ chạy lại phía S đang đứng thì chị T2 cùng mọi người có mặt ở đó can ngăn nên hai bên dừng lại. S cầm thanh dao đi về và ông P được đưa đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh NB (cũ) khám, điều trị từ ngày 02/5/2025 đến ngày 09/5/2025. Ngày 03/5/2025, ông P có đơn gửi cơ quan Công an tố cáo hành vi S gây thương tích cho ông P và đề nghị xử lý nghiêm đối tượng đã gây thương tích cho ông P theo quy định của pháp luật.

Ngay sau khi tiếp nhận tin báo, Cơ quan CSĐT (PC01) đã phối hợp với cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường, lấy lời khai người bị hại, người làm chứng, trích xuất dữ liệu camera, thu thập các dấu vết tài liệu.

Kết quả khám nghiệm hiện trường: Nơi xảy ra vụ án được xác định là đoạn đường đê bao số 5 thuộc địa phận thôn TN, xã PP, huyện LN, tỉnh HN (nay là thôn TN, xã NL, tỉnh NB). Đoạn đê bao số 5 chạy hướng Tây Bắc - Đông Nam; hướng Tây Bắc đi thôn ĐĐ, xã NT (nay là xã NH); hướng Đông Nam đi thôn DH, xã PP (nay là xã NL), phía Đông Bắc đường tiếp giáp khu đất nhà bà Trần Thị S2, sinh năm 1950; phía Tây Nam tiếp giáp Miếu thôn TN.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu: Trần Văn S đã tự nguyện giao nộp: 01 (một) thanh kiếm tự chế dài 64cm, lưỡi bằng kim loại sáng trắng, lưỡi kiếm sắc, lưỡi kiếm dài 51,5 cm, bản rộng nhất 4,7cm, chuôi bằng gỗ dài 12,5cm, mũi kiếm nhọn. Bị hại ông Trần Văn P giao nộp 01 phiếu thu kiếm bằng kê chi phí khám bệnh, chữa bệnh, 01 giấy ra viện đều mang tên người bệnh Trần Văn P; chị Nguyễn Thị T2 có giao nộp 01 USB vỏ nhựa màu đen loại 64GB, bên ngoài có chữ Kington bên trong USB lưu giữ hình ảnh khi xảy ra sự việc tại hiện trường.

Tại Bản kết luận giám định số 117/KL-TTCT-TTGĐYK&PY ngày 18/6/2025 của Trung tâm Giám định Y khoa và Pháp y tỉnh HN kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của ông Trần Văn P tại thời điểm giám định là 02% (hai phần trăm). Qua nghiên cứu hồ sơ tài liệu và khám giám định, nhận định: Thương tích do vật sắc nhọn gây nên, không xác định được chiều hướng.

Ngày 23/7/2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh NB ra Quyết định trưng cầu giám định số: 323/QĐ-VPCQCSĐ trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh NB giám định thanh kiếm tự chế là hung khí Trần Văn S sử dụng để gây thương tích cho ông P. Tại Bản kết luận giám định số 144/KL-KTHS ngày 07/8/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh NB kết luận: “Mẫu vật gửi giám định ký hiệu A là đao, thuộc phụ lục 3 “Danh mục vũ khí thô sơ” Thông tư 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ. Khi sử dụng mẫu vật gửi giám định với mục đích xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người trái pháp luật có thuộc vũ khí quân dụng hay không do cơ quan trưng cầu nghiên cứu, áp dụng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 2 Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 để xác định mẫu vật gửi giám định có thuộc vũ khí quân dụng hay không”.

Ngày 28/10/2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh NB ra Quyết định trưng cầu giám định số: A4070/QĐ-VPCQCSĐ trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh NB giám định hình ảnh, video do chị Nguyễn Thị T2 giao nộp. Tại Bản kết luận giám định số 1690/KL-KTHS ngày 24/11/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh NB kết luận: Không phát hiện dấu vết bị cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong toàn bộ mẫu cần giám định (Ký hiệu A1, A2)

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2026/HS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân tỉnh NB đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn S phạm tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” và tội “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác”.

Áp dụng khoản 1 Điều 304, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 134, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn S 09 (chín) tháng tù.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Trần Văn S phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/9/2025.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm bồi thường dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 21/01/2026, bị cáo Trần Văn S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Trần Văn S giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn S, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2026/HS-ST ngày 21/01/2026 của Tòa án nhân dân tỉnh NB.

Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại vụ án, nếu không hủy bản án sơ thẩm thì giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về làm công dân có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Đơn kháng cáo của bị cáo gửi trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Văn S khai nhận: Vào chiều ngày 02/5/2025, bị cáo mang theo thanh đao dài 64cm để phòng thân. Khi đi qua thửa đất số 157, tờ bản đồ số 3 tại thôn TN, xã NL, tỉnh NB, thấy nhóm thợ đang thực hiện việc san lấp mặt bằng tại thửa đất này, bị cáo đã đến quát và đuổi nhóm thợ ra khỏi đây, đồng thời dơ thanh đao lên hỏi “có nhìn thấy cái gì không” và yêu cầu anh K là

thợ lái máy xúc không làm nữa, nhưng có ông P và một số người vào tấn công vợ chồng bị cáo nên bị cáo có chống trả chứ bị cáo không đâm ông P. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, của những người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, các kết luận giám định và các hình ảnh, video đã được giám định cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Xuất phát từ việc không chấp nhận quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST của Tòa án nhân dân tỉnh HN (cũ) về việc buộc vợ chồng S phải trả lại cho gia đình chị Nguyễn Thị L thửa đất số 157, tờ bản đồ số 3 nhưng bị cáo không khiếu nại mà bị cáo S vẫn coi thửa đất của bà L là của bị cáo nên chiều ngày 02/5/2025, tại thôn TN, xã NL, tỉnh NB, khi thấy nhóm thợ đang thực hiện việc san lấp mặt bằng cho gia đình chị L, bị cáo đã mang theo thanh đao đến quát: “Biên, ra khỏi đây, có nhìn thấy cái gì không” và yêu cầu anh K là thợ lái máy xúc không làm nữa. Thấy vậy, ông Trần Văn P là cậu ruột chị L đã lấy điện thoại di động ra quay video nên S đã dùng thanh đao dài 64cm, phần lưỡi cong bằng kim loại màu trắng dài 51,5cm, bản rộng nhất 4,7cm, có một cạnh sắc, phần tay cầm dài 12,5cm, bằng gỗ màu nâu, giữa phần tay cầm và phần lưỡi có miếng chặn bằng kim loại kích thước (6 x 2,5)cm, thuộc phụ lục 3 “Danh mục vũ khí thô sơ” kèm theo Thông tư 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ Công an cầm trên tay phải giơ lên đâm một nhát vào góc hàm bên phải của ông P gây thương tích rách da dài 0,5cm, làm ông P bị tổn hại 02% sức khỏe.

Với các hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án nhân dân tỉnh NB đã xét xử bị cáo Trần Văn S về các tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” và “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 và các điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Các hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội và xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước trong lĩnh vực quản lý vũ khí quân dụng. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do các hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra cũng như yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm, cần phải xét xử thật nghiêm minh trước pháp luật mới có đủ sức răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[2.3] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo thấy: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nhưng có nhân thân rất xấu, đã nhiều lần bị xử phạt hành chính, song không lấy đó làm bài học để rèn luyện, cải tạo bản thân, nay lại liên tiếp thực hiện hai hành vi phạm tội. Tại các phiên tòa, bị cáo đều có thái độ khai báo quanh co và chưa ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; đến nay, bị cáo cũng chưa bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại nên bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ nào theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo được bị hại xin giảm nhẹ nhưng tình tiết giảm nhẹ này đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo, nay không có tình tiết giảm nhẹ mới.

[3] Từ những phân tích, nhận định nêu trên thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” và 09 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác” là phù hợp, đúng pháp luật, không nặng nề nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên bản án hình sự nêu trên theo đề nghị của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Do bị cáo là người cao tuổi, xin được miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn S. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2026/HS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân tỉnh NB về phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 304, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”.

Áp dụng các điểm a, i khoản 1 Điều 134, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn S 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Trần Văn S phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/9/2025.

[2] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí: Bị cáo Trần Văn S được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VCT&KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND tỉnh NB (02 bản);
- VKSND tỉnh NB;
- THADS tỉnh NB;
- Công an tỉnh NB;
- Trại TG số 02 CA tỉnh NB;
- Sở Tư pháp tỉnh NB;
- UBND xã Nam Lý, T NB;
- Bị cáo (qua Trại TG);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Minh

- Luru HS, HCTP.